

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/KDTM-ST

Ngày: 18/8/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 114/2022/TLST-KDTM, ngày 13/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5501/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5854/2023/QĐST-KDTM, ngày 01/8/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty TNHH N.

Địa chỉ: Lầu E, cao ốc S, số H đường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Ông Đào Đình C, sinh năm 1975.
2. Bà Huỳnh Thị Bích P, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: F Đường số C, Cư xá L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền đề ngày 05/3/2020.

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1970 – Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L.

Địa chỉ: Số F Tổ A, P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018; Bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty TNHH N có ông Đào Đình C và bà Huỳnh Thị Bích P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty TNHH N (Sau đây gọi là Công ty S) và Bà Phạm Thị Kim L– Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L (Sau đây gọi là HKD Kim Lý) có mối quan hệ hợp tác từ năm 2009. HKD K Lý do bà Phạm Thị Kim L làm chủ là đại lý phân phối sản phẩm của Công ty S tại khu vực xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là xã T, huyện H).

Công ty S và H có ký kết Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: 71/UNIT3-2014-NPP, ngày 01/01/2014 và các phụ lục đính kèm (sau đây gọi là “Hợp đồng đại lý”). Trên cơ sở Hợp đồng đại lý, HKD K thực hiện việc phân phối các loại sản phẩm nước giải khát của Công ty S theo hình thức mua trả chậm phù hợp với chính sách bán hàng của SPVB trong từng thời kỳ (về số tiền tối đa được trả chậm, thời hạn chậm, ...). Công ty S cho Đ, kết nhựa, ... (sau đây gọi chung là bao bì) và một số thiết bị lưu trữ, làm lạnh. Theo thỏa thuận trong hợp đồng và chính sách bán hàng trả chậm của Công ty S giai đoạn 2014 thì hạn mức cho chậm tiền hàng phụ thuộc vào hiệu quả bán hàng của Đại lý và được ấn định trong Thư yêu cầu thanh toán. Trong trường hợp Hợp đồng đại lý chấm dứt hiệu lực thì trong vòng 02 (Hai) tháng kể từ ngày chấm dứt, Đại lý phải hoàn trả toàn bộ bao bì đã mượn của SPVB. hết thời hạn này mà đại lý không hoàn trả đủ số bao bì thì phải bồi thường bằng tiền cho Công ty S theo đơn giá quy đổi đã được thỏa thuận trong Phụ kiện bán hàng trả chậm và cho mượn vỏ kết.

Hợp đồng Đại lý đã được chấm dứt từ tháng 7 năm 2017, nhưng đến nay H vẫn không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S mặc dù Công ty S đã nhiều lần thương lượng và tạo cơ hội để HKD Kim Lý thanh toán.

Vì vậy, Công ty S đã khởi kiện yêu cầu H hoàn trả cho Công ty S còn lại là: 99.898.165 (Chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng, thi hành ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn trình bày:*

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với các trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố.

*Tại phiên tòa:*

*Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày.*

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 19/7/2023, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng:

Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kim L– Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: 71/UNIT3-2014-NPP, ngày 01/01/2014 và các phụ lục hợp đồng. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm.

Điều 16 Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: 71/UNIT3-2014-NPP, ngày 01/01/2014 các bên thỏa thuận: “Hợp đồng này sẽ chịu sự chi phối và bị ảnh hưởng theo luật pháp của Việt Nam. Bên A và Bên B sẽ nỗ lực giải quyết mọi tranh chấp phát sinh bằng con đường hòa giải. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được các tranh chấp nêu trên bằng con đường hòa giải trong vòng 30 ngày, mâu thuẫn phát sinh sẽ do Tòa án có thẩm quyền nơi đặt trụ sở của nguyên đơn phân xử.” Công ty TNHH N có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng số: 3763/2023/QĐ-TB ngày 22/5/2023 thông báo cho bà Phạm Thị Kim L– Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L nội dung khởi kiện và thời gian, địa điểm triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử vụ án. Bà Phạm Thị Kim L– Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L không có ý kiến đối với các yêu

cầu của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu độc lập và không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 19/7/2023, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

## [2] Về pháp luật nội dung:

### 2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Xét, Công ty S và H có ký kết Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: 71/UNIT3-2014-NPP, ngày 01/01/2014 và các phụ lục đính kèm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng và chính sách bán hàng trả chậm của Công ty S giai đoạn 2014 thì hạn mức cho chậm tiền hàng phụ thuộc vào hiệu quả bán hàng của Đại lý và được ấn định trong Thư yêu cầu thanh toán. Trong trường hợp Hợp đồng đại lý chấm dứt hiệu lực thì trong vòng 02 (Hai) tháng kể từ ngày chấm dứt, Đại lý phải hoàn trả toàn bộ bao bì đã mượn của SPVB. Hết thời hạn này mà đại lý không hoàn trả đủ số bao bì thì phải bồi thường bằng tiền cho Công ty S theo đơn giá quy đổi đã được thỏa thuận trong Phụ kiện bán hàng trả chậm và cho mượn vỏ két. Hợp đồng Đại lý đã được chấm dứt từ tháng 7 năm 2017, nhưng đến nay H vẫn không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S mặc dù Công ty S đã nhiều lần thương lượng và tạo cơ hội để HKD Kim Lý thanh toán.

Tại Tòa án nhân dân Quận 1, HKD K không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã được thông báo công khai toàn bộ lời khai, chứng cứ cũng như yêu cầu của nguyên đơn tại Tòa án nhưng không có ý kiến đối với những yêu cầu của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và không có yêu cầu phản tố.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xét thấy bị đơn - HKD K đã được biết về những trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty S nhưng không có ý kiến phản bác nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự (Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh) Hội đồng xét xử nhận định Công ty S đã hoàn thành các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng nhưng HKD Kim Lý mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty S nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn - Công ty S là có cơ sở để chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### 2.2. Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù Hợp đồng Đại lý đã được chấm dứt từ tháng 7 năm 2017, nhưng đến nay H vẫn không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S và đối chiếu quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc HKD Kim L phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền HKD Kim L còn thiếu Công ty S là: 99.898.165 (Chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày Công ty S có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền HKD Kim L phải trả cho Công ty S) cho đến khi thi hành án xong, HKD Kim L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: HKD Kim Lý phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Công ty S không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N: Buộc bà Phạm Thị Kim L – Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty TNHH N số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: 71/UNIT3-2014-NPP, ngày 01/01/2014 và các phụ lục hợp đồng là: 99.898.165 (Chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH N có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền bà Phạm Thị Kim L – Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L phải trả cho Công ty TNHH N) cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Kim L – Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kim L – Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Kim L phải chịu án phí là: 4.994.908 (Bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm lẻ tám) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.497.454 (Hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bốn) đồng theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004924, quyền số: 0099; Ký hiệu: BB/2017 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Diệu Linh**

